

NGHI LỄ BỎ MẢ CỦA NGƯỜI RAGLAI Ở XÃ CAM THỊNH TÂY, THÀNH PHỐ CAM RANH, TỈNH KHÁNH HÒA

TRẦN DŨNG

Đặt vấn đề

Raglai là một trong năm tộc người trong nhóm tộc người có cùng ngữ hệ Nam Đảo (Raglai, Gia-rai, Ê-đê, Chăm, Chu-ru), cư trú chủ yếu ở các địa bàn vùng núi thuộc các tỉnh cực Nam Trung Bộ. Tộc người này còn có tên gọi khác, như: Rắcgây, Oranglai, Roglai, Radlai...

Trong tiến trình lịch sử, tộc người Raglai đã hình thành và phát triển một nền văn hóa phong phú, đa dạng và có nhiều giá trị đặc sắc. Đó là một nền văn hóa vừa mang nét văn hóa của vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, vừa có nét văn hóa của cư dân vùng biển cực Nam Trung Bộ. Chính điều này đã góp phần tạo nên bản sắc văn hóa của người Raglai ở Khánh Hòa nói riêng, văn hóa của dân tộc này ở vùng cực Nam Trung Bộ nói chung.

Một trong những nét văn hóa đặc trưng của người Raglai chính là nghi lễ bỏ mả. Có thể nói, nghi lễ bỏ mả là một trong những hình thức sinh hoạt văn hóa hàm chứa nhiều giá trị văn hóa truyền thống, góp phần hình thành bản sắc văn hóa của người Raglai.

Dân số Raglai hiện nay khoảng 108.000 người, trong đó, có 45.385 người Raglai ở tỉnh Khánh Hòa và họ cư trú ở các huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, Diên Khánh, Ninh Hòa và thành phố Cam Ranh. So với các tộc người cùng ngữ hệ, tộc người Raglai có rất ít

công trình nghiên cứu. Về các công trình nghiên cứu văn hóa nói chung, tang ma của người Raglai nói riêng, có thể kể đến: *Người Raglai ở Việt Nam* của Nguyễn Tuấn Triết (1991); *Văn hóa xã hội người Raglai ở Việt Nam* do Phan Xuân Biên chủ biên (1998); *Luật tục Chăm và luật tục Raglai* do Phan Đăng Nhật chủ biên (2003); *Nghi lễ và phong tục các dân tộc ở Tây Nguyên* của Viện Nghiên cứu văn hóa (2006); *Văn hóa Raglai những gì còn lại* của Phan Quốc Anh (2007); *Phong tục tang ma của người Raglai ở Khánh Hòa* của Sở Văn hóa Thông tin và Du lịch tỉnh Khánh Hòa (2009)... Cho đến nay, chưa có một công trình nào nghiên cứu về văn hóa của người Raglai, trong đó có nghi lễ bỏ mả, ở Cam Ranh nói chung và ở xã Cam Thịnh Tây nói riêng.

Do vậy, nghiên cứu văn hóa Raglai qua trường hợp *Nghi lễ bỏ mả của người Raglai ở xã Cam Thịnh Tây, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa*, chúng tôi muốn giới thiệu đến công chúng một hình thức sinh hoạt văn hóa với những nét đặc trưng tiêu biểu của người Raglai, đồng thời cũng mong muốn góp phần trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của tộc người này.

1. Khái quát về người Raglai ở xã Cam Thịnh Tây, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Cam Thịnh Tây là xã miền núi thuộc thành phố Cam Ranh, cách trung tâm thành

phố 7km về phía Nam. Diện tích tự nhiên của xã là 3.169 ha; phía Bắc giáp xã Cam Phước Đông; phía Nam giáp xã Phước Chiến, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận; phía Đông giáp xã Cam Thịnh Đông; phía Tây giáp xã Phước Thành, huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận. Dân số của xã hiện nay là 5.012 người. Mật độ dân số 145 người/km².

Về hành chính, Cam Thịnh Tây gồm 4 thôn: thôn Sông Cạn Đông, thôn Sông Cạn Trung, thôn Thịnh Sơn và thôn Suối Rua. Địa bàn cư trú của người Raglai ở xã Cam Thịnh Tây có nhiều nét đặc thù so với các địa bàn cư trú của người Raglai trong tỉnh Khánh Hòa và các địa phương khác. Không gian và môi trường sống của người dân nơi đây vừa có rừng, có sông, có suối lại vừa gần biển. Đây cũng là xã có tỷ lệ đồng bào Raglai đông nhất so với các xã trên địa bàn thành phố Cam Ranh (99,5% đồng bào Raglai).

Do địa bàn cư trú tương đối thuận tiện cho việc tiếp xúc với các dân tộc ở vùng đồng bằng như người Kinh, người Chăm nên văn hóa của người Raglai có sự giao thoa, ảnh hưởng văn hóa của các dân tộc trên, nhất là trong giai đoạn hiện nay.

Tuy nhiên, về nguồn gốc cũng như quan hệ tộc người của người Raglai hiện vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau giữa các nhà khoa học. Về nguồn gốc tộc người Raglai, theo tác giả Phan Quốc Anh trong công trình *Văn hóa Raglai những gì còn lại*, có hai luận thuyết về nguồn gốc tộc người của các cư dân thuộc nhóm ngôn ngữ Nam Đảo. Luận thuyết thứ nhất cho rằng các tộc người này đều có nguồn gốc hải đảo Đông Nam Á (căn cứ vào hình con thuyền trên nhà mồ trong lễ bỏ mả và một số tư liệu chứng minh họ có nguồn gốc văn hóa biển), di cư từ các đảo vùng biển Nam Trung Quốc xuống Đông Nam Á. Luận

thuyết thứ hai cho rằng các tộc người Nam đảo đều di cư theo đường bộ từ Nam Trung Quốc qua Việt Nam, Lào rồi từ đó di cư ra hải đảo (Phan Quốc Anh, 2007, tr. 20).

Là cư dân bản địa, có mặt sớm nhất ở vùng đất Cam Ranh - Khánh Hòa nói riêng, các tỉnh Nam Trung Bộ nói chung, có dân số chiếm tỷ lệ thấp trong nhóm các dân tộc Nam Đảo (đứng thứ 4 trong 5 dân tộc), song có thể nói, văn hóa truyền thống của tộc người Raglai rất phong phú, đa dạng và có nhiều nét đặc trưng, biểu hiện qua các phong tục tập quán, lễ nghi, kho tàng truyện cổ tích, hệ thống nhạc cụ, sử thi, thành ngữ, tục ngữ...

Người Raglai quần tụ theo dòng họ. Mỗi họ cư trú theo làng (*paloi*) ở một ngọn núi, đứng đầu là chủ làng (*Po paloi*). Người Raglai theo chế độ mẫu hệ, con cái sinh ra mang họ mẹ và mối quan hệ huyết thống này được giữ đến bảy đời. Thành ngữ Raglai có câu: "*Taskadâu padiétxa - Máura pa diétgớ*" (Chặt cây làm nhà, bắt người ta làm họ). Con gái đi cưới chồng, người con trai về ở bên nhà vợ, đến khi qua đời được họ nhà gái tổ chức tang ma. Người Raglai không có nhiều họ. Các họ chính gồm: Cao (*Pinang*), Máu (*Chamaliaq*), Bo Bo (*Cator*), Tro (*Pupur*). Mỗi họ chia thành nhiều nhánh. Hiện nay người Raglai vẫn tuân thủ khá nghiêm ngặt những quy định cổ xưa của dân tộc. Những người cùng một nhánh họ hoặc giữa hai nhánh căm không được lấy nhau. Nếu vi phạm, bị xếp vào loại tội nặng nhất và bị xử phạt rất nặng.

Cuộc sống của người Raglai xưa kia (và cả bây giờ) chủ yếu dựa vào trồng trọt, săn bắn, hái lượm và chăn nuôi. Với nền sản xuất nương rẫy, phương thức chủ yếu là chọc lỗ, tría hạt. Việc canh tác của họ phụ thuộc chủ yếu vào hiện tượng tự nhiên, ít có

sự trợ giúp về khoa học kỹ thuật.

2. Vũ trụ luận, quan niệm về linh hồn và cái chết

2.1. Vũ trụ luận của người Raglai

Người Raglai theo tín ngưỡng đa thần hay còn gọi là tín ngưỡng “Vạn vật hữu linh”. Họ quan niệm rằng tất cả sự vật, hiện tượng tự nhiên đều có linh hồn, có thần linh là *Yac* (*Nhang/Giang*) và các vị thần hiện hữu mọi lúc, mọi nơi để giúp đỡ hoặc trừng phạt những người phạm tội. Đó là các vị: thần Sấm, thần Sét, thần Gió, thần Lửa, thần Sông, thần Núi, thần Đất, thần Rẫy, thần Nhà, thần Bắp, thần Lúa, thần Hồn, thần Quan Tài, thần Nhà Mồ... Đặc biệt, vị thần *Coi Masrĩh Morq Vila* được người Raglai rất thành kính tôn vinh là vị thần sáng thế, vị thần đã tạo nên vũ trụ, tạo ra nòi giống, đặt ra các dòng họ, dạy người Raglai các lễ nghi phong tục, dạy cách trồng trọt, chăn nuôi... (UBND tỉnh Khánh Hòa, 2003, tr. 82). Chính từ quan niệm trên, người Raglai cho rằng mọi sự trên đời: sinh, lão, bệnh, tử cũng như các điều may mắn hay rủi ro đều do các thần định đoạt. Vì vậy họ rất hay cầu cúng các thần. Từ việc xin chặt cây làm nhà, phát rẫy, thu hoạch mùa màng... đến việc sinh nở, trưởng thành, cưới xin, tang ma, ốm đau, dịch bệnh... đều được người Raglai cầu cúng với những nghi lễ tôn nghiêm, trang trọng.

Hệ thống nghi lễ của người Raglai chia làm 2 loại: nghi lễ theo chu kỳ cây trồng và nghi lễ theo vòng đời người. Các nghi lễ theo chu kỳ cây trồng bao gồm: Lễ cúng rẫy, lễ tria hạt, lễ cúng lúa chừa, lễ cúng lúa chín, lễ hội ăn lúa mới, lễ hội ăn đầu lúa. Các nghi lễ theo vòng đời người, gồm: lễ khai sinh đặt tên, lễ cầu cúng đeo vòng, lễ cúng cầu buộc dây thắt nút lãnh thúề đời, lễ cưới, lễ đền ơn đáp nghĩa mẹ cha, lễ tang, lễ bỏ mả. Tuy nhiên hiện nay, các nghi

lễ nói trên ngày càng mai một, chỉ có nghi lễ bỏ mả là còn được bà con lưu truyền, thực hiện theo phong tục truyền thống.

2.2. Quan niệm về linh hồn và cái chết

Cùng trong cơ tầng văn hóa Đông Nam Á, các dân tộc ở Việt Nam đều có chung quan niệm, mỗi con người sinh ra đều có hai phần: thể xác và linh hồn. Thể xác có thể mất đi theo thời gian nhưng linh hồn thì tồn tại vĩnh cửu. Tuy nhiên quan niệm về số lượng linh hồn của mỗi người ở mỗi dân tộc có sự khác biệt. Người Raglai quan niệm mỗi người có 3 loại hồn (*vungãq*): hồn đầu lòng (*vungãq cachua*), hồn giữa (*vungãq kharāh*) và hồn út (*vungãq tiluiq*). Hồn đầu lòng và hồn út chỉ có 1, còn hồn giữa có số lượng nhiều hơn, có thể là 3, 5, 7 hoặc nhiều hơn nữa nhưng là số lẻ. Trong 3 hồn trên, hồn út là hồn quan trọng nhất vì nếu hồn út bị suy sụp thì con người sẽ bị nguy hiểm đến tính mạng. Khi con người chết đi, các hồn lập tức lìa khỏi xác, riêng hồn út chỉ rời khỏi xác sau khi được làm lễ nhập hồn vào cây *gai tuah*¹ và *tô đầu chám than*², chờ đến ngày làm lễ bỏ mả mới được đầu thai kiếp khác.

Về cái chết, cũng như các dân tộc Tây Nguyên, người Raglai tin rằng chết chưa phải là hết, mà là sự nối tiếp, chuyển tiếp của con người từ thế giới người sống sang thế giới ông bà tổ tiên chờ ngày ông bà cho đi đầu thai trở lại thế giới trần gian. Ở thế giới đó, linh hồn cũng “sống”, cũng “làm việc” như khi ở thế giới trần gian. Có điều, thế giới của ông bà hoàn toàn đảo ngược so

¹ *Gai tuah*: một vật thiêng, dùng để thu hồn người chết, làm bằng một đoạn tre nhỏ dài khoảng 60cm, một đầu vót nhọn, một đầu tà, chính giữa *gai tuah* được gắn chiếc nhẫn mắt bằng đồng hoặc sắt.

² *Tô đầu chám than*: được làm từ một cái tô (bát) bằng đồng, dưới tô được bôi một lớp than củi; chủ cúng dùng tô này in vào ngực người chết để thu hồn người chết.

với thế giới trần gian. Nếu ở thế giới trần gian là xấu thì ở thế giới ông bà là tốt, ở trần gian là giả thì ở thế giới ông bà là thật... Do vậy, trong tục chia của cho người chết, người Raglai thường làm hỏng những đồ vật khi đem chia cho người chết.

Người Raglai quan niệm, nếu chỉ làm lễ tang cho người chết thì linh hồn người chết vẫn chưa được “siêu thoát”, chưa về với ông bà tổ tiên để được “nhập kiếp đầu thai”. Chỉ sau khi làm lễ bỏ mả thì linh hồn người chết mới được “siêu thoát” về với ông bà tổ tiên và mới có thể được đầu thai, trở lại làm người. Sau khi làm lễ bỏ mả, hồn ma sẽ được sang “sống” với ông bà tổ tiên một thời gian, rồi mới được ông bà cho đi “nhập kiếp đầu thai”. Ai lúc sống ăn ở hiền lành, thật thà, tốt bụng, sẽ được ông bà cho đầu thai trở lại làm người (và có thể đầu thai trở lại làm con cháu của gia tộc). Ai lúc còn sống ăn ở không tốt thì không được đầu thai làm người mà đầu thai thành rắn, rết, cạp, beo...

Người Raglai không quy định cụ thể thời gian bỏ mả - mãn tang. Tùy thuộc vào cái chết và điều kiện kinh tế của gia đình, dòng họ mà tiến hành thời gian làm lễ bỏ mả. Tuy nhiên, dù làm lễ bỏ mả sớm hay muộn, đều bắt buộc phải thực hiện đúng nghi thức, lễ trình do “phong tục ông bà” quy định. Nếu làm sai, không chỉ con cháu trong họ tộc sẽ bị ông bà, *nhang*, *giàng* trách phạt mà còn làm ảnh hưởng đến bà con làng xóm. Và quan trọng hơn cả là linh hồn người chết sẽ không được “siêu thoát”, không được “nhập kiếp đầu thai”.

Do vậy, việc tang của người Raglai chia làm hai giai đoạn với hai nghi lễ chính: lễ tang và lễ bỏ mả. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến nghi lễ bỏ mả, một trong những hình thức sinh hoạt văn hóa

độc đáo, mang nhiều nét đặc trưng văn hóa của tộc người này.

3. Nghi lễ bỏ mả truyền thống

3.1. Chuẩn bị lễ bỏ mả

Trước ngày chính thức làm lễ bỏ mả một ngày, bà con tiến hành làm nhà mồ và dựng rạp. Tùy thuộc vào quy mô tổ chức đám bỏ mả mà bà con làm nhà mồ tương ứng. Đám bỏ mả lớn là đám làm nhà mồ có số cột từ 16 đến 32 cột, trên nóc nhà mồ có hình tượng *kagor*³, trang trí các hình chim, rồng, ngựa, heo, gà... Đám nhỏ là đám làm nhà mồ có số cột từ 4, 6 đến 14, trang trí đơn sơ, không có hình tượng *kagor* trên nóc nhà mồ... Và điều đặc biệt là số cột nhà mồ luôn là số chẵn do bà con quan niệm rằng số chẵn là số của ma.

Cũng trong ngày này, các lễ vật của con cháu, họ hàng cũng mang về đầy đủ. Tùy theo điều kiện kinh tế của con cái trong gia đình và của họ tộc, theo tập tục quy định, mỗi người con đã có gia đình phải chuẩn bị ba con heo (lợn) để cúng cho người chết (có làng chỉ quy định mỗi người một con), họ hàng mỗi người cúng một con gà. Đối với những dòng họ khá giả hoặc người mất là người có địa vị trong làng (như chủ làng), lễ vật cúng trong lễ bỏ mả có khi đến chín con trâu và rất nhiều lợn, gà do con cái trong gia đình và bà con thân tộc đóng góp.

Khi con cháu, họ hàng tập trung đông đủ, chủ cúng thay mặt tang chủ xem xét lần cuối cùng công việc chuẩn bị và phân công công việc cụ thể cho từng nhóm, cá nhân tham gia vào việc làm lễ bỏ mả. Điều đặc biệt là, mọi công việc tiến hành lễ bỏ mả đều

³ *Kagor*: là mô hình con thuyền, được làm bằng gỗ, có khắc hình các con chim, con rồng, ngựa... là “phương tiện” chuyên chở linh hồn người chết sang thế giới bên kia.

được ban tổ chức, do những người bà con trong làng đứng ra lo liệu.

3.2. *Trình tự lễ bỏ mả*

Lễ bỏ mả truyền thống của người Raglai thường được tiến hành trong 3 ngày. Thời điểm bỏ mả trong khoảng từ tháng 12 đến tháng 4 âm lịch, với các nghi thức theo trình tự như sau:

3.2.1. *Phần lễ*

- *Ngày thứ nhất*

Bắt đầu bằng *lễ cúng rạp*, tiến hành vào buổi sáng. Kế đến là *lễ mời ông bà về với hồn ma* (có nơi bà con còn gọi là “lễ cúng chào hỏi”). Tiếp theo là *lễ rước mả*. Thời gian đi rước mả thường vào khoảng 1 đến 2 giờ khuya, rước mả về đến nhà khoảng từ 4 đến 5 giờ sáng. Trước khi rước mả về nhà, người ta làm *lễ cúng nhà mồ* và *lễ cúng kagor* tại mộ.

- *Ngày thứ hai*

Đây là ngày chính thức của nghi lễ, được bắt đầu bằng *lễ mời mả ăn*. Theo bà con, trước khi chia tay vĩnh viễn với người chết, phải cho linh hồn người chết ăn uống no nê, phải chuẩn bị thức ăn để linh hồn mang theo “ăn đường”, phải chia cho người chết một số của cải “để hồn ma không thiếu thốn ở thế giới bên kia”. Do vậy, lễ mời mả ăn được bà con Raglai chuẩn bị hết sức tươm tất, chu đáo và cũng chiếm nhiều thời gian nhất. Lễ mời mả ăn gồm 3 buổi chính, tất cả 5 lần, mỗi lần mời khoảng 1 giờ đồng hồ. Buổi sáng mời mả ăn 3 lần, 2 lần còn lại mời vào buổi chiều và buổi sáng ngày hôm sau, trước lúc tiễn ma. Đây là nghi thức hết sức độc đáo, mang nét đặc trưng trong tang ma cũng như trong văn hóa của người Raglai.

Trong lễ bỏ mả còn có nghi thức khóc tế, diễn ra 3 lần, ở 3 thời điểm nhất định, đó là: lúc đi rước mả, lúc chôn mả và trước khi

tiễn mả. Buổi chiều, gia đình chuẩn bị một mâm cơm ở trong nhà để những người trong thân tộc chia tay với mả.

- *Ngày thứ ba*

Lễ tiễn mả thường tiến hành vào buổi sáng ngày thứ 3 (cũng có đám tiễn mả vào đêm thứ hai). Bà con còn gọi là lễ “dứt dứt”.

Bà con ở Cam Thịnh Tây không tiễn mả ra tận mộ mà chỉ tiễn đến nửa đường. Sau khi chủ cúng nói lời vĩnh biệt với ma và khẩn xin ông bà đón nhận, đùm bọc, che chở cho hồn ma ở thế giới bên kia, kể từ giây phút này, người thân họ tộc, bà con xóm làng hoàn toàn “dứt dứt” quan hệ với ma, hai bên không còn “nợ nần” nhau nữa. Mọi người ra về tham gia vào phần hội diễn ra tại nhà tang chủ.

3.2.2. *Phần hội*

Góp phần hình thành bản sắc văn hóa dân tộc của người Raglai qua nghi lễ bỏ mả chính là những thành tố nghệ thuật dân gian được thể hiện một cách đầy đủ, rõ nét, nhất là qua sinh hoạt văn hóa văn nghệ ở phần hội. Trong nghi lễ, người Raglai đã dùng âm nhạc làm phương tiện chủ yếu để thể hiện tình cảm, bày tỏ quan điểm, giao tiếp với thần linh (ở giai điệu các bài khấn của thầy cúng, giai điệu của các bài mã la trong khi thực hành các nghi lễ...) một cách tinh tế và sâu sắc. Theo các già làng ở Cam Thịnh Tây, sau khi kết thúc phần lễ, bắt đầu phần hội, đại diện gia tộc cảm ơn bà con không phải bằng lời nói mà bằng các câu hát. Hai bên họ nhà trai và họ nhà gái bày tỏ tình cảm, quan điểm của mình về việc tổ chức lễ bỏ mả cũng bằng lời hát đối đáp. Bà con gọi là hát “cãi lý”. Đây là một hình thức tranh luận hết sức tế nhị và độc đáo. Càng tế nhị hơn nữa khi họ nhà trai không nói, không hát bằng lời mà mượn âm thanh của tiếng mã la để bày tỏ tình cảm, quan điểm của mình. Qua

cách thể hiện các bài mã la của họ nhà trai, họ nhà gái và người nghe sẽ biết được thái độ tình cảm của họ, như có hài lòng về cách tổ chức bỏ mả hay không.

Có thể nói, nghi lễ bỏ mả của người Raglai ở Cam thịnh Tây là môi trường hội tụ của các loại hình nghệ thuật: nghệ thuật diễn xướng qua giai điệu các bài văn cúng và điệu múa của các thầy cúng, nghệ thuật hát các làn điệu dân ca, nghệ thuật biểu diễn các loại nhạc cụ mã la, trống, sáo, khèn bầu... rất phong phú và độc đáo.

4. Những biến đổi của nghi lễ bỏ mả ở người Raglai

4.1. Một số biến đổi trong nghi lễ bỏ mả

Những thay đổi trong quan niệm dẫn đến những thay đổi trong việc lựa chọn các hình thức bỏ mả; thời gian chuẩn bị lễ bỏ mả cũng khác với trước kia. Hiện nay, bà con thường chọn hình thức bỏ mả cùng một lúc với lễ tang, rút ngắn thời gian chuẩn bị làm lễ, xây mộ kiên cố như người Kinh. Thời gian thực hiện nghi lễ cũng thay đổi so với trước đây. Ngày xưa, thời gian thực hiện bỏ mả ít nhất là 3 ngày, nay rút ngắn còn 2 ngày.

Ngày xưa, ở các đám bỏ mả lớn, các lễ vật cúng như trâu, bò, lợn, gà, rượu cần... phải đủ số lượng, đúng với phong tục quy định. Nay phần lễ vật đã được giảm, thay đổi. Có gia đình dùng rượu để thay cho rượu cần, những nhà khá giả còn dùng cả bia trong đám bỏ mả, dùng vàng mã trong nghi lễ, thậm chí có cả tiền đô âm phủ.

Ngày xưa, các đám bỏ mả dù lớn hay nhỏ đều không thể thiếu âm thanh của tiếng mã la, một nhạc cụ góp phần tạo nên tính thiêng của nghi lễ. Ngày nay, ở các đám bỏ mả nhỏ, có gia đình không còn dùng mã la nữa.

Hiện nay, phần hội của lễ bỏ mả ít nhiều đã thay đổi. Có đám bỏ mả, thay vì tổ

chức sinh hoạt văn hóa văn nghệ với các loại hình nghệ thuật truyền thống, họ lại tổ chức trình diễn, hát và mở những bản nhạc mới cho thanh niên nam nữ vui chơi. Điều này tuy trong một số trường hợp có thể làm cho không khí buổi lễ thêm sôi động, nhưng theo thời gian nó cũng có thể khiến cho thế hệ trẻ tiếp thu những luồng văn hóa mới và quên lãng những điệu múa, bài hát dân gian vốn đã từng góp phần tạo nên tính độc đáo của văn nghệ dân gian của dân tộc này.

4.2. Các nhân tố tác động đến sự biến đổi

Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta đã rất quan tâm đến vấn đề dân tộc và đã đưa ra nhiều chủ trương, chính sách nhằm phát triển kinh tế, nâng cao đời sống văn hóa, xã hội ở vùng đồng bào thiểu số, trong đó có địa bàn cư trú của người Raglai ở xã Cam thịnh Tây. Có thể nói, hiện nay người dân xã Cam Thịnh Tây đã có đầy đủ “điện, đường, trường, trạm” đáp ứng cho sự phát triển.

Những chủ trương chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế, xã hội, những biến cố của lịch sử tác động làm thay đổi về không gian văn hóa, môi trường cư trú của người dân; giao lưu, tiếp xúc với các nền văn hóa khác nhau là những nhân tố chủ yếu đã làm biến đổi sâu sắc đời sống kinh tế, xã hội và văn hóa truyền thống của người dân ở Cam Thịnh Tây. Những thay đổi về văn hóa của người Raglai thể hiện rất rõ nét qua lối sống, nhận thức, quan niệm, qua thực hành các nghi lễ..., đặc biệt là qua nghi lễ bỏ mả.

Văn hóa truyền thống của người Raglai đang có nguy cơ bị mai một và biến đổi. Dù rằng sự biến đổi xã hội nói chung và biến đổi văn hóa nói riêng là quy luật tất yếu của sự phát triển. Song biến đổi như thế nào để phù hợp cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở

vùng dân tộc Raglai hiện là vấn đề nan giải. Các chương trình, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm phát triển vùng dân tộc thiểu số ở Khánh Hòa, trong đó có xã Cam Thịnh Tây, đến nay vẫn chưa đạt hiệu quả như mục tiêu đề ra. Thực trạng văn hóa truyền thống của người Raglai đang bị đứt gãy, nhưng yếu tố văn hóa mới chưa được định hình. Có thể thấy rằng, văn hóa của người Raglai ở xã Cam Thịnh Tây hiện nay là sự đan xen những nét văn hóa truyền thống và những nét văn hóa hiện đại. Yếu tố truyền thống đang bị lung lay trước sự xâm nhập của yếu tố văn hóa mới. Hiện nay, văn hóa Raglai chịu ảnh hưởng trực tiếp từ văn hóa dân tộc Kinh, tiếp thu những yếu tố tích cực của văn hóa Kinh, biểu hiện qua việc rút ngắn thời gian và chi phí cho việc tổ chức tang lễ; áp dụng khoa học kỹ thuật vào trồng trọt và chăn nuôi mang lại lợi ích kinh tế nhất định. Tuy nhiên, sự biến đổi của văn hóa Raglai cũng cho thấy sự mất dần bản sắc truyền thống của dân tộc này. Hiện nay, ở các vùng đồng bào Raglai, các lễ hội truyền thống hầu như bị mất dần trong đời sống người dân. Người Raglai hiện ăn tết như người Kinh, thiết kế và xây dựng nhà cửa, trang phục, xây mộ như người Kinh...

5. Kết luận

Nghi lễ bỏ mả của người Raglai là một nghi lễ tiêu biểu và có nhiều giá trị văn hóa trong hệ thống các nghi lễ truyền thống của người Raglai còn tồn tại đến ngày nay. Nghi lễ thể hiện một cách đầy đủ, đậm nét bản sắc văn hóa của tộc người Raglai ở xã Cam Thịnh Tây nói riêng, tộc người Raglai ở cực Nam Trung Bộ nói chung.

Nghi lễ bỏ mả phản ánh đời sống vật chất và tinh thần, tâm linh của người Raglai, những khát vọng vươn tới cái cao đẹp, được thể hiện rõ nét qua các quan niệm về linh hồn

và thái độ ứng xử với linh hồn; qua các loại hình nghệ thuật truyền thống... Đồng thời, nghi lễ còn hàm chứa những giá trị nhân văn, đạo đức; là môi trường giáo dục đạo lý và ý thức cộng đồng, có tác dụng to lớn trong việc củng cố và tăng cường sức mạnh của tình đoàn kết, sự gắn bó của cộng đồng. Mặc dù có sự biến đổi, nhưng có thể nói, nghi lễ bỏ mả là môi trường chủ yếu giúp người Raglai bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, nhất là trong điều kiện hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Phan Quốc Anh (2007), *Văn hóa Raglai những gì còn lại*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
2. Phan Xuân Biên (Chủ biên), Phan An, Phan Văn Dốp, Võ Công Nguyên, Nguyễn Văn Huệ (1998), *Văn hóa và xã hội người Raglai ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Ngô Văn Doanh (1995), *Lễ hội bỏ mả Bắc Tây Nguyên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
4. Phan Đăng Nhật (Chủ biên) (2003), *Luật tục Chăm và luật tục Raglai*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
5. Nhiều tác giả (2003), *Những vấn đề về văn hóa và ngôn ngữ Raglai*, Nxb Đại học quốc gia, TP. Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Tuấn Triết (1991), *Người Raglai ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, TP. Hồ Chí Minh.
7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Khánh Hòa (2009), *Phong tục tang ma của người Raglai ở Khánh Hòa*, Đề tài cấp cơ sở.
8. Viện Nghiên cứu văn hóa (2006), *Nghi lễ và phong tục các dân tộc ở Tây Nguyên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. UBND tỉnh Khánh Hòa (2003), *Địa chí Khánh Hòa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.